

Bản án số: 618/2020/HC-PT

Ngày: 01- 7- 2020

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt
hại và tái định cư.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Thẩm phán:

1/ Bà Phạm Thị Mai Xuân

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hương –
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Ông Nguyễn Văn Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 và ngày 01/7/2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành
phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
24/HCPT ngày 09/3/2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi
thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 2356/2019/HC-ST ngày 23/12/2019
của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2429/2020/QĐXX-PT
ngày 12/5/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5875/2020/QĐST-HC ngày
10/6/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1936

Địa chỉ: Số 144/25A Đường A, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Nguyễn Thị Lưu B (có mặt)

Địa chỉ: Số 144/27 Đường A, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí
Minh.

(Giấy ủy quyền số công chứng số 28188, quyền số 12/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2015, Giấy ủy quyền số công chứng 2284, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/01/2016 ký tại Văn phòng Công chứng Bình Thạnh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

1.1. Luật sư Trương Đình T- Văn phòng luật sư Tâm Đức Trí - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ: Số 1A Sông Thao, Phường C, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Luật sư Trương H V- Công ty Luật Sài Gòn - H V- Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ: Số 1235/7 Đường D, Phường H, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Luật sư Nguyễn Thị Mỹ L – Văn phòng luật sư Tâm Đức Trí - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ: Số 1A Sông Thao, Phường C, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ: Số 06 đường H, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:

Ông Hồ P– Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có yêu cầu tiến hành tố tụng vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Văn Bé H- Phó trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn D- Chuyên viên Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 44 đường K, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn T

3.2. Bà Nguyễn Thị Lưu B

3.3. Bà Nguyễn Thị Kim L

3.4. Bà Nguyễn Thị Kim P

Địa chỉ: Số 144/27 Đường A, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Ông Nguyễn Văn H

Địa chỉ: Số 144/25A Đường A, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà L, bà P và ông H:

Bà Nguyễn Thị Lưu B(có mặt).

Địa chỉ: Số 144/27 Đường A, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 3861, quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/03/2016 ký tại Văn phòng Công chứng Bình Thạnh, có mặt).

3. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị S – người khởi kiện.

NHẬN THẤY:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị S là chủ sở hữu căn nhà số 144/27 Phan Văn H, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là nhà 144/27) theo Giấy phép hợp thức chủ quyền nhà số 4235/GP-UB ngày 24/9/1992 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) quận B. Tháng 3/1993 ông Bài, bà Sửu xây dựng lại căn nhà này với cấu trúc 01 trệt, 01 lầu, tường gạch, khung sàn bê tông cốt thép (sau đây gọi tắt là BTCT), mái lợp tôn, tổng diện tích sàn xây dựng là 101m² theo Giấy phép khởi công xây dựng số 1118/GPKC ngày 23/3/1993. Ngày 18/8/1999, ông Bài, bà Sửu đã kê khai nhà đất có diện tích khuôn viên đất là 89,58m², diện tích sàn xây dựng là 101,43m².

Ông B và bà Sửu đồng thời là chủ sở hữu căn nhà số 144/25A Phan Văn H, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép hợp thức chủ quyền nhà số 4236/GP-UB ngày 24/9/1992 của Ủy ban nhân dân quận B.

Ông B chết năm 2002, những người thừa kế của ông B là bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lưu B, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim P, ông Nguyễn Văn H.

Ngày 17/11/2000, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 7771/QĐ-UB-DA phê duyệt dự án đầu tư cải tạo hệ thống thoát nước rạch Phan Văn H, quận B; diện tích đất giải tỏa là 4.481m². Ngày 20/3/2001, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1603/QĐ-UB về việc điều chỉnh, di chuyển các hộ dân cư, cơ quan, đơn vị, vật kiến trúc khác và đền bù, trợ cấp thiệt hại, tái định cư trong dự án đầu tư cải tạo hệ thống thoát nước rạch Phan Văn H, quận B. Ngày 29/4/2002, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 1819/QĐ-UB giao đất cho Công ty thoát nước đô thị Thành phố để thực hiện dự án, diện tích thu hồi là 8.600m². Ngày 08/10/2002, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 4102/QĐ-UB điều chỉnh Chủ đầu tư dự án từ Công ty Thoát nước đô thị Thành

phổ thành Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình quận B, diện tích giải tỏa là 4.481m². Ngày 15/10/2002, Ủy ban nhân dân quận B ra Quyết định số 4370/QĐ-UB công bố danh sách các hộ dân cư thuộc dự án cải tạo rạch.

Ngày 20/11/2002, Hội đồng đền bù (thuộc UBND quận B) ra Phương án số 139/PA-UB-QLDA trong đó xác định diện tích thu hồi là 8.600m², diện tích đất đền bù là 5.894m². Ngày 17/12/2002, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 5244/QĐ-UB phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 139/PA-UB-QLDA ngày 20/11/2002.

Ngày 25/6/2013, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 3342/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 1819/QĐ-UBND gồm điều chỉnh chủ đầu tư thành Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình quận B, diện tích thu hồi là 6.838,4 m² theo bản đồ số 115663/ĐDBĐ-VPTT lập ngày 27/3/2013. Ngày 27/01/2015, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 303/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định 3342/QĐ-UBND diện tích thu hồi là 5.470 m² theo bản đồ số 115663/ĐDBĐ-VPTT lập ngày 16/01/2014.

Đối với căn nhà số 144/27: Ngày 25/9/2009, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B ra Phiếu chiết tính chi phí bồi thường số 97/P17 xác định mức bồi thường. Ngày 05/11/2009, Ủy ban nhân dân quận B ra Quyết định số 7218/QĐ-UBND về việc bồi thường, giải phóng mặt bằng (sau đây gọi tắt là Quyết định 7218). Ngày 06/3/2014, Ủy ban nhân dân quận B ra Quyết định số 1379/QĐ-UBND bổ sung Quyết định 7218 về hỗ trợ lãi suất trên giá trị bồi thường (sau đây gọi tắt là Quyết định 1379). Ngày 11/4/2016, UBND quận B ra Quyết định số 1951/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 1951) điều chỉnh tên chủ sử dụng căn nhà thành Nguyễn Thị S và các đồng thừa kế thay cho Nguyễn Thị S - Nguyễn Văn Bài.

Ngày 17/12/2015, Chủ tịch UBND quận B ra Quyết định số 15201/QĐ-UBND áp dụng biện pháp cưỡng chế (sau đây gọi tắt là 15201) thu hồi diện tích 49,925m², thời gian cưỡng chế từ 02/01/2016 đến 09/01/2016. Ngày 29/12/2015, Chủ tịch UBND quận B ra Thông báo cưỡng chế số 1486/TB-UBND-QLĐT, yêu cầu tự tháo dỡ nhà trước ngày 07/01/2016 hoặc sẽ bị cưỡng chế vào ngày 07/01/2016. Ngày 07/01/2016, Phòng Quản lý đô thị quận B lập Biên bản cưỡng chế (lần 1). Ngày 21/01/2016, Phòng Quản lý đô thị quận B lập Biên bản cưỡng chế khác (lần 2).

Đối với nhà 144/25A: Ngày 03/12/2007, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B ra Phiếu chiết tính chi phí bồi thường số 134/P17BS xác định mức bồi thường. Ngày 25/12/2007, UBND quận B ra Quyết định số 9013/QĐ-UBND về việc bồi thường, giải phóng mặt bằng (sau đây gọi tắt là Quyết định 9013). Ngày 21/10/2009, UBND quận B ra Quyết định số 6754/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 9013 về số tiền bồi thường (sau đây gọi tắt là Quyết định 6754). Ngày 06/3/2014, UBND quận B ra Quyết định số 1378/QĐ-UBND bổ sung Quyết định 6754 về hỗ trợ lãi suất trên giá trị bồi thường (sau đây gọi tắt là Quyết định 1378).

Ngày 11/4/2016, Ủy ban nhân dân quận B ra Quyết định số 1953/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 1953) điều chỉnh tên chủ sử dụng căn nhà thành Nguyễn Thị S và các đồng thừa kế thay cho Nguyễn Thị S – Nguyễn Văn Bài.

Ngày 17/12/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ra Quyết định số 15200/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 15200) áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi diện tích 16,455m², thời gian cưỡng chế từ 02/01/2016 đến 09/01/2016. Ngày 29/12/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ra Thông báo cưỡng chế số 1485/TB-UBND-QLĐT, yêu cầu chủ sở hữu tự tháo dỡ nhà trước ngày 07/01/2016 hoặc sẽ bị cưỡng chế vào ngày 07/01/2016. Ngày 07/01/2016, Phòng Quản lý đô thị quận B lập Biên bản cưỡng chế (lần 1). Ngày 21/1/2016, Phòng Quản lý đô thị quận B lập Biên bản cưỡng chế khác (lần 2).

Trong các đơn khởi kiện ngày 25/12/2015 và ngày 25/01/2016, bản tự khai và các biên bản đối thoại của Tòa án, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị S và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Lư Btrình bày: Khoảng năm 2003, khi nghe thông tin về việc Ủy ban nhân dân quận B có dự án cải tạo hệ thống thoát nước rạch Phan Văn H, bà và một số hộ dân tại khu vực này đã làm đơn khiếu nại vì thiết kế của dự án không hợp lý. Ngày 13/7/2015 bà nhận được công văn số 1134/UBND-BTGPMB ngày 09/7/2015 của Ủy ban nhân dân quận B trả lời không giải quyết khiếu nại vì thiết kế của dự án đã được phê duyệt. Đồng thời, công văn này cũng đề cập đến một số quyết định cưỡng chế thi hành quyết định về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng một phần đối với căn nhà số 144/27 và 144/25A. Tại buổi làm việc ngày 15/12/2015 với Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, bà mới được biết hai căn nhà của bà đều thuộc diện bị giải tỏa một phần để phục vụ cho dự án cải tạo rạch. Bà yêu cầu UBND Phường B cung cấp cho bà các quyết định L quan đến dự án, quyết định thu hồi đất... nhưng Ủy ban nhân dân Phường B và Ủy ban nhân dân quận B không cung cấp bất cứ tài liệu nào cho bà.

Ngày 18/12/2015, bà nhận được Quyết định số 15200 và Quyết định số 15201 ngày 17/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B. Sau đó, ngày 25/12/2015, bà đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định này.

Ngày 29/12/2015, tại buổi làm việc với Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B, bà mới được nhận Quyết định 9013, Quyết định 6754, Quyết định 1378, Quyết định 7218 và Quyết định số 1379. Ngày 25/01/2016, bà tiếp tục nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Theo bà, Ủy ban nhân dân quận B đã vi phạm trình tự thủ tục ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đối với gia đình bà, nội dung các quyết định này đã phản ánh không đúng hiện trạng nhà đất của bà và áp dụng sai đơn giá đền bù. Cụ thể như sau:

Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng: UBND quận B chưa ban hành quyết định thu hồi đất đối với phần diện tích đất nhà bà bị cưỡng chế thu hồi. UBND quận B cũng không thông báo, giải thích cho bà về việc hai căn nhà của bà thuộc quy hoạch của dự án cải tạo rạch và không công bố phương án bồi thường cho gia đình bà theo quy định. UBND

Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 về điều chỉnh diện tích đất bị thu hồi và diện tích này được xác định theo bản vẽ hiện trạng số 115663/ĐDBĐ-VPTT ngày 16/01/2014 của Trung tâm Đo đạc bản đồ Thành phố. Tuy nhiên, tại các quyết định cưỡng chế thu hồi đất của Ủy ban nhân dân quận B lại căn cứ văn bản số 8603/KTS-QH ngày 28/7/2000 đã hết hiệu lực.

Về nội dung các quyết định bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:

Quyết định 7218 ghi nhận hiện trạng nhà số 144/25A không đúng thực tế. Nhà của bà có cấu trúc sàn cột bê tông và tường gạch nhưng Quyết định 7218 lại ghi “nền ceramic, tường gạch, gác gỗ, mái tole, sân xi măng”. Điều này dẫn đến việc xác định giá trị bồi thường không chính xác và ảnh hưởng đến phương án tháo dỡ nhà. Trên thực tế, Ủy ban nhân dân quận B đã đưa ra phương án tháo dỡ sai làm toàn bộ phần nhà còn lại bị hư hỏng nặng.

Nhà 144/25A không có trong danh sách giải tỏa kèm Quyết định 4370 ngày 15/10/2002. Do đó nhà này không thuộc diện thu hồi.

Về đơn giá bồi thường: Giá đất vào thời điểm ban hành quyết định là không phù hợp. Quyết định ban hành năm 2009 nhưng lại lấy giá đất của năm 2002.

- Về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định cưỡng chế thu hồi đất: UBND quận B chưa giao cho bà các quyết định về bồi thường, giải phóng mặt bằng mà đã ban hành quyết định cưỡng chế là không đúng quy định.

- Về việc thực hiện cưỡng chế thu hồi đất: Diện tích ghi trong Biên bản cưỡng chế ngày 07/01/2016 sai so với diện tích ghi trong Quyết định 15201. Quyết định 15200 ngày 17/12/2015 quy định thời gian cưỡng chế từ ngày 02/01/2016 đến ngày 09/01/2016 nhưng UBND quận B lại ra Thông báo số 1485/TB-UBND-QLĐT yêu cầu gia đình bà tự tháo dỡ nhà trước ngày 07/01/2016 hoặc sẽ bị cưỡng chế vào ngày 07/01/2016. Biên bản cưỡng chế ngày 07/01/2016 ghi nhận không đúng diễn biến thực tế cưỡng chế và không đúng sự thật như thành phần cưỡng chế không có mặt đầy đủ, không ghi thời gian cưỡng chế, ghi rằng tài sản còn trong nhà có biên bản kiểm kê tài sản chung với hộ 144/27 nhưng thực tế bà không nhận được biên bản kiểm kê tài sản này. Biên bản cưỡng chế khác (lần 2) về việc cưỡng chế nhà 144/25A cũng có nhiều sai sót như thời gian bắt đầu biên bản là ngày 07/01/2016 nhưng kết thúc là ngày 25/01/2016, tài sản kiểm kê ghi nhận tại biên bản kiểm kê chung với nhà 144/27, các thành viên Hội đồng cưỡng chế ra về trước khi việc cưỡng chế hoàn tất...

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định của UBND quận B gồm: Quyết định 9013, Quyết định 6754, Quyết định 1378, Quyết định số 7218, Quyết định 1379. Hủy Quyết định 15200 và Quyết định 15201 của Chủ tịch UBND quận B. Yêu cầu UBND quận B bồi thường đối với nhà 144/27 cho bà theo giá đất quy định tại Quyết định 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh quy định về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố và theo vị trí nhà là $8.601.600 \times 10.71 = 92.123.136$ đồng/m² $\times 49.945 = 4.601.090.027$ đồng. Bồi thường trị giá xây dựng nhà 144/27 là $101\text{m}^2 \times 3.750.000 \times 2$ (hệ số K) + 20% hỗ trợ của dự án = 909.000.000 đồng, tương

rào: $13.8m^2 \times 536.000 \times 2 + 20\%$ hỗ trợ của dự án = 17.752.320 đồng. Tổng giá trị bồi thường: 5.527.842.347 đồng. Do căn nhà 144/25A không thuộc diện giải tỏa nên phải hoàn trả cho bà căn nhà theo đúng hiện trạng ban đầu.

Tại các bản tường trình và các biên bản của Tòa án, người bị kiện là UBND quận B, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

UBND quận B đã ban hành Quyết định 9013, Quyết định 6754, Quyết định 1378, Quyết định 1953, Quyết định số 7218, Quyết định 1379 về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với 02 căn nhà số 144/25A và 144/27 trong dự án cải tạo hệ thống thoát nước rạch Phan Văn H, Phường B, quận B. Theo quy định của pháp luật, do trước năm 2003 đã có quyết định thu hồi đất của UBND Thành phố Hồ Chí Minh đối với diện tích đất bị thu hồi để thực hiện dự án cải tạo rạch Phan Văn H nên UBND quận B không ban hành quyết định thu hồi diện tích đất cụ thể đối với từng thửa đất do hộ gia đình, cá nhân sử dụng. UBND quận B đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục khi ban hành các quyết định về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với các hộ dân. Cụ thể, UBND quận B đã tiến hành công khai chủ trương thu hồi đất, công khai các quyết định phê duyệt dự án đầu tư, công khai phương án đền bù, tái định cư và danh sách hộ dân bị ảnh hưởng đồng thời thông báo cho người dân về việc đề cử hộ dân tham gia Hội đồng bồi thường của dự án. UBND quận B cũng thực hiện việc giao gửi các phiếu chiết tính bồi thường, quyết định về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng, thông báo nhận tiền bồi thường, thông báo bàn giao mặt bằng cho các hộ dân trong dự án trong đó có hộ ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị S. Tuy nhiên, gia đình bà Nguyễn Thị S đã từ chối nhận các văn bản của UBND quận B, không đến dự các buổi họp nên Tổ công tác đã tiến hành niêm yết các văn bản này tại UBND Phường B, quận B.

Căn cứ các quyết định của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án thì vị trí nhà 144/25A và 144/27 thuộc phạm vi giải tỏa một phần. Theo Phương án đền bù số 139/PA-UB (QLDA) ngày 20/11/2002 đã được phê duyệt thì đơn giá để tính bồi thường đối với vị trí nhà 144/25A là 4.000.000 đồng/m² và nhà 144/27 là 6.000.000 đồng/m². Mặc dù quyết định bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng ban hành năm 2009 nhưng theo quy định tại Công văn số 4720/UBND-ĐMT ngày 14/9/2009 thì các dự án đang thực hiện dở dang theo Nghị định số 22/1998/NĐ-CP không được điều chỉnh hoặc bổ sung chính sách bồi thường đối với các dự án này. Do đó, các quyết định bồi thường của UBND quận B đã tính đơn giá bồi thường theo Phương án đền bù đã được phê duyệt. Thực hiện văn bản số 5177/UBND-ĐTMT ngày 30/9/2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết hỗ trợ thêm lãi suất đối với nhà bị giải tỏa một phần, UBND quận B đã ban hành các quyết định bổ sung quyết định bồi thường. Vì vậy, nội dung các quyết định bồi thường của UBND quận B là đúng pháp luật.

Theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh thì không áp dụng việc điều chỉnh đơn giá bồi

thường đối với các phương án đã phê duyệt. Vì vậy, Ủy ban nhân dân quận B không đồng ý với yêu cầu của bà Sừ về việc tính lại giá bồi thường.

Ủy ban nhân dân quận B xác định đã ban hành các quyết định bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với bà Sừ là đúng trình tự, thủ tục và đúng căn cứ pháp luật nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy các quyết định này.

Tại các bản tường trình và các biên bản của Tòa án, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B trình bày:

Ủy ban nhân dân quận B đã nhiều lần vận động các hộ dân trong đó có hộ bà Sừ thông qua các hình thức tổ chức tiếp xúc, phát hành thư ngỏ, tuy nhiên hộ bà Sừ không đồng ý bàn giao mặt bằng. Trên cơ sở thống nhất với ban ngành các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B đã ra Quyết định 15201 và Quyết định 15200 để cưỡng chế thu hồi đất đối với một phần nhà số 144/27 và số 144/25A là đúng theo quy định, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lưu B, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Văn H do bà Nguyễn Thị Lưu B đại diện hợp pháp trình bày: Các ông bà thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của bà Sừ.

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và trình bày: Căn nhà 144/25A không có trong danh sách bị giải tỏa nên UBND quận B ra quyết định bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và Chủ tịch UBND quận B ra quyết định cưỡng chế thu hồi là trái pháp luật, bà khẳng định bà không tham gia buổi tiếp xúc nào, không nhận được bất cứ quyết định nào của Ủy ban như phía Ủy ban trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Về tố tụng: Ông Hồ P vừa là người đại diện của người bị kiện, vừa ký xác nhận tư cách của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là không đúng tố tụng.

Về nội dung vụ án: Việc chậm thực hiện dự án là do lỗi hoàn toàn của UBND quận B. Do đó, cần áp dụng khoản 2 của Công văn số 361/BTNMT-ĐĐ ngày 30/01/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để tính lại đơn giá bồi thường theo giá thị trường hiện nay. UBND quận B không ra quyết định thu hồi đất đối với từng thửa đất là không đúng quy định. Việc UBND quận B ban hành các quyết định bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi chưa có quyết định thu hồi đất là không có căn cứ pháp luật. UBND quận B không thực hiện đúng các thủ tục thông báo, công khai cho người bị thu hồi đất các văn bản về chủ trương thu hồi đất; công khai phê duyệt dự án đầu tư; công khai Phương án đền bù thiệt hại, tái định cư; theo quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường khi thu hồi đất. Bà Sừ và gia đình không được nhận các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng trước khi bị cưỡng chế thu

hồi đất. Nội dung của các quyết định bồi thường không đúng khi xác định sai về cấu trúc nhà, sai về đơn giá bồi thường. Quyết định cưỡng chế thu hồi đất do phó chủ tịch UBND ký thay chủ tịch UBND là sai về thẩm quyền ban hành. Nhà số 144/25A không có trong danh sách giải tỏa kèm Quyết định số 4370 ngày 15/10/2002 nhưng vẫn bị cưỡng chế thu hồi đất là không đúng. Do các quyết định bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và các quyết định cưỡng chế của người bị kiện sai về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và không có căn cứ pháp luật, 02 quyết định cưỡng chế thu hồi đất đã căn cứ vào Quyết định số 7771 ngày 27/11/2000 là quyết định không có thật, việc cưỡng chế thực hiện vào dịp sát Tết Nguyên đán là sai quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là UBND quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B trình bày: Dự án đầu tư, cải tạo hệ thống thoát nước rạch Phan Văn H, quận B chậm thực hiện là do người dân có khiếu nại và sau đó Nhà nước đã điều chỉnh quy hoạch, giảm diện tích đất bị thu hồi, có lợi cho người dân. Vì vậy, việc chậm thực hiện dự án không phải do lỗi của người bị kiện nên không áp dụng khoản 2 của Công văn số 361/BTNMT-ĐD ngày 30/01/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để tính lại đơn giá bồi thường. Dự án này ảnh hưởng đến hơn 140 hộ dân trong khu vực, đã được công khai tại địa phương nên không thể có việc bà Sửu và gia đình không biết gì về dự án. Do hộ bà Sửu không đồng ý ký nhận các quyết định L quan đến việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng nên UBND Phường B và Ban Bồi thường giải phóng phải tiến hành niêm yết các quyết định này. UBND quận B có sự phân công công tác cho các phó chủ tịch UBND, do đó, việc Phó chủ tịch UBND ký thay Chủ tịch UBND tại các quyết định cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định. Các quyết định bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và các quyết định cưỡng chế của người bị kiện được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hợp pháp. Tại 02 Quyết định cưỡng chế thu hồi đất có nhầm lẫn trong đánh máy ngày ban hành của Quyết định 7771 là ngày 27/11/2000, sự thật thì quyết định 7771 ban hành ngày 17/11/2000. Việc UBND quận B tổ chức thực hiện cưỡng chế vào ngày 07/01/2016 là đúng quy định chứ không phải ngay sát Tết Nguyên đán như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nêu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2356/2019/HC-ST ngày 23/12/2019 Tòa án nhân dân quận B đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu hủy Quyết định số 9013/QĐ-UBND ngày 25/12/2007, Quyết định số 6754/QĐ-UBND ngày 21/10/2009, Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 06/3/2014, Quyết định số 7218/QĐ-UBND ngày 05/11/2009 và Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 06/3/2014 của Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu hủy Quyết định số 15200/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 và Quyết định số 15201/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 31/12/2019, Bà Nguyễn Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 22/5/2020, bà Nguyễn Thị Lưu Blà người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn kháng cáo bổ sung.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, cụ thể:

+ Yêu cầu hủy Quyết định số 9013/QĐ-UBND ngày 25/12/2007, Quyết định số 6754/QĐ-UBND ngày 21/10/2009, Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 06/3/2014, Quyết định số 7218/QĐ-UBND ngày 05/11/2009 và Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 06/3/2014 của Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Yêu cầu hủy Quyết định số 15200/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 và Quyết định số 15201/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Sừ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thụ lý đúng quy định theo thẩm quyền; cấp, tổng đạt văn bản đúng quy định. Về thời hạn xét xử tính từ ngày thụ lý vụ án đến ngày đưa vụ án ra xét xử không vi phạm thời hạn. Quyết định xét xử đúng nội dung, đúng thời gian, địa điểm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

+ Về nội dung kháng cáo của bà Sừ:

Căn cứ các quyết định sau:

- Quyết định số 7771/QĐ-UB-DA ngày 17/11/2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt dự án đầu tư cải tạo hệ thống thoát nước rạch Phan Văn H, quận B;

- Quyết định số 1819/QĐ-UB ngày 29/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao đất cho Công ty thoát nước đô thị thành phố để cải tạo hệ thống thoát nước rạch Phan Văn H, quận B;

- Phương án số 139/PA-UB-(QLDA) ngày 20/11/2002 của Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng dự án đầu tư cải tạo hệ thống thoát nước rạch Phan Văn H;

- Quyết định số 5244/QĐ-UB ngày 17/12/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư ở dự án cải tạo hệ thống thoát nước rạch Phan Văn H tại Phường B, quận B;

- Quyết định số 5213/QĐ-UBND ngày 28/11/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt bổ sung phương án đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư ở dự án cải tạo hệ thống thoát nước rạch Phan Văn H tại Phường B, quận B;

- Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh Quyết định số 1819/QĐ-UB ngày 29/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó diện tích đất bị thu hồi và diện tích này được xác định theo bản vẽ hiện trạng số 115663/ĐĐBĐ-VPTT ngày 16/01/2014 của Trung tâm Đo đạc bản đồ Thành phố.

Căn cứ các quyết định nêu trên, có cơ sở xác định Ủy ban nhân dân quận B ban hành các quyết định thu hồi diện tích đất của hai căn nhà số 144/25A và 144/27 Phan Văn H, Phường B, quận B nhằm phục vụ cho dự án mở rộng rạch Phan Văn H, đồng thời bồi thường phần diện tích bị thu hồi cho bà Sứ và các đồng thừa kế của ông Blà có cơ sở.

Căn cứ Khoản 3 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thì việc Ủy ban nhân dân quận B bồi thường theo đơn giá đã được phê duyệt tại Điểm b Mục 2 Phần IV của Phương án số 139/PA-UB-QLDA ngày 20/11/2002 là đúng quy định.

Do hộ bà Sứ không thực hiện việc bàn giao phần nhà đất bị giải tỏa nên căn cứ Điểm d, Khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 15200/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 và Quyết định số 15201/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với hai căn nhà nêu trên của bà Sứ là đúng quy định.

Từ những phân tích như trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Sứ về việc yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 9013/QĐ-UBND ngày 25/12/2007, Quyết định số 6754/QĐ-UBND ngày

21/10/2009, Quyết định số 7218/QĐ-UBND ngày 05/11/2009, Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 06/3/2014 và Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 06/3/2014 của Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 15200/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 và Quyết định số 15201/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm đối với phần án phí do bà Sừ là người cao tuổi nên được xét miễn án phí.

XÉT THẤY:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị S còn trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

2. Về nội dung kháng cáo: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị S và yêu cầu kháng cáo bổ sung của bà Nguyễn Thị Lưu Blà người đại diện theo ủy quyền của bà Sừ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Về ý kiến của bà Sừ cho rằng Ủy ban nhân dân quận B đã không thực hiện đúng trình tự của pháp luật quy định khi ban hành các quyết định thu hồi đất, bồi thường đối với hai căn nhà của bà:

Căn cứ các quyết định:

- Quyết định số 7771/QĐ-UB-DA ngày 17/11/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành về phê duyệt dự án đầu tư, cải tạo hệ thống thoát nước rạch Phan Văn H, quận B;

- Quyết định số 1603/QĐ-UB ngày 20/3/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành về việc điều chuyển, di chuyển các hộ dân cư, cơ quan, đơn vị, vật kiến trúc khác và đền bù, trợ cấp thiệt hại, tái định cư trong dự án đầu tư cải tạo hệ thống thoát nước rạch Phan Văn H, quận B;

- Quyết định số 1819/QĐ-UB ngày 29/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao đất cho Công ty thoát nước đô thị Thành phố để cải tạo hệ thống thoát nước rạch Phan Văn H, quận B;

- Phương án số 139/PA-UB-(QLDA) ngày 20/11/2002 của Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng dự án đầu tư cải tạo hệ thống thoát nước rạch Phan Văn H;

- Quyết định số 9013/QĐ-UB ngày 25/12/2007 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng;

- Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh Quyết định số 1819/QĐ-UB ngày 29/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,

Xét thấy: Theo quy định tại các Điều 32, Điều 33, Điều 34 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ quy định về đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng thì đối với trường hợp của bà Sửu và ông Bài, Ủy ban nhân dân quận B không ban hành quyết định thu hồi đất cụ thể cho trường hợp hợp có đất bị thu hồi là đúng quy định.

Ủy ban nhân dân quận B cũng thực hiện đúng trình tự thủ tục trước khi ban hành các Quyết định bồi thường như Thông báo số 513/TB-VP ngày 18/11/2002 về việc đề cử đại diện hộ dân tham gia Hội đồng bồi thường của dự án, thực hiện việc kiểm kê, xác định thiệt hại, mức đền bù, công khai chủ trương thu hồi đất, công khai phê duyệt dự án đầu tư theo đúng quy định tại Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ.

2.2. Về ý kiến của bà Sửu cho rằng Ủy ban nhân dân quận B không thực hiện đúng trình tự công bố hay niêm yết Phương án đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 139/PA-UB-QLDA ngày 20/11/2002:

Căn cứ Biên bản họp ngày 09/5/2002 về việc triển khai các văn bản thực hiện Dự án cải tạo hệ thống thoát nước rạch Phan Văn H, Phường B, quận B; căn cứ Quyết định số 4370/QĐ-UB ngày 15/10/2002 của Ủy ban nhân dân quận B về việc công bố danh sách các hộ dân cư, vật kiến trúc khác trong dự án cải tạo hệ thống thoát nước rạch Phan Văn H (hộ ông Nguyễn Văn B- chồng bà Sửu có số thứ tự là 96); căn cứ các Biên bản niêm yết ngày 31/12/2007 và ngày 28/10/2009 về việc niêm yết công khai các văn bản L quan đến dự án công hợp Phan Văn H, Phường B, quận B; căn cứ Biên bản tiếp xúc ngày 30/9/2009 của Ủy ban nhân dân quận B, Hội đồng xét xử nhận thấy Ủy ban nhân dân quận B đã thực hiện đúng quy định về việc công bố, niêm yết Phương án số 139/PA-UB-(QLDA) ngày 20/11/2002 nêu trên cho gia đình bà Sửu.

2.3. Về ý kiến của bà Sửu cho rằng Ủy ban nhân dân quận B xác định thiếu sót người được bồi thường, hỗ trợ trong dự án:

Theo các Giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà số 4235/GP-UB ngày 24/9/1992 và số 4236/GP-UB ngày 24/9/1992 thì ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị S là đồng sở hữu 2 căn nhà số 144/25A và 144/27 Phan Văn H Phường B quận B. Ông B chết năm 2002. Ngày 11/4/2016, Ủy ban nhân dân quận B ban hành các Quyết định số 1951/QĐ-UBND và Quyết định số 1953/QĐ-UBND điều chỉnh tên chủ sử dụng căn nhà số 144/27 và căn nhà số 144/25A Đường A, quận B là bà Nguyễn Thị S và các đồng thừa kế thay vì ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị S. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân quận B điều chỉnh tên người được bồi thường, hỗ trợ trong dự án nêu trên là bà Nguyễn Thị S và các đồng thừa kế của ông B là đúng quy định. Bà Sửu kháng cáo cho rằng Ủy ban nhân dân quận B chưa xác định rõ những người thừa kế của ông B gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ là không có cơ sở.

2.4. Về ý kiến của bà Sừ đề nghị xem xét bố trí cho bà một suất tái định cư tại chung cư ở quận B:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Lưu Blà người đại diện theo ủy quyền của bà Sừ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà một suất tái định cư ở quận B. Tuy nhiên, tại đơn kháng cáo ngày 31/12/2019 và đơn kháng cáo bổ sung ngày 22/5/2020, bà Sừ và người đại diện theo ủy quyền của bà Sừ không có nội dung nào đề cập đến yêu cầu được bố trí tái định cư tại chung cư ở quận B. Theo trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Sừ thì do giữa Ủy ban nhân dân quận B và bà Sừ không thỏa thuận được giá mua suất tái định cư nên bà Sừ không nêu nội dung này trong đơn kháng cáo. Căn cứ Điều 218 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì yêu cầu của bà Sừ tại phiên tòa phúc thẩm đã vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

2.5. Về ý kiến của bà Sừ cho rằng Ủy ban nhân dân quận B đã xác định và áp giá sai vị trí nhà đất so với Phương án đền bù số 139/PA-UB-(QLDA):

- Căn cứ Bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH Đo đạc - Xây dựng - Thương mại Hưng T lập ngày 24/01/2007 phục vụ cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thì căn nhà số 144/25A Phan Văn H có diện tích đất bị giải toả là 16,454m², vị trí nhà đất thuộc hẻm nhỏ hơn 5m, cấu trúc nhà: tường gạch, cột gạch, mái tole. Căn nhà số 144/27 Phan Văn H có diện tích đất bị giải toả là 49,725m², vị trí nhà đất thuộc hẻm lớn hơn 5m, cấu trúc nhà nền ceramic, tường gạch, cột gạch, mái tole. Trên cơ sở này, Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành Quyết định số 9013/QĐ-UB ngày 25/12/2007 và Quyết định số 7218/QĐ-UB ngày 05/11/2019 về việc bồi thường đối với phần đất bị thu hồi của bà Sừ là đúng quy định.

- Căn cứ quy định tại điểm b, mục 2, phần IV của Phương án đền bù số 139/PA-UB-(QLDA) ngày 20/11/2002 thì đơn giá đất ở để tính bồi thường là 4.000.000 đồng/1m² đối với hẻm nhỏ hơn 5m và 6.000.000 đồng/1m² đối với hẻm lớn hơn 5m. Như vậy, Ủy ban nhân dân quận B đã áp dụng đúng với đơn giá đền bù đối với phần đất bị giải toả của căn nhà 144/25A và 144/27 Phan Văn H.

Ngoài ra, thực hiện Văn bản số 5177/UBND-ĐTMT ngày 30/9/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận B đã xem xét hỗ trợ thêm lãi suất tiền gửi tiết kiệm cho hộ bà Sừ là có xem xét đến quyền lợi cho bà Sừ.

2.6. Về ý kiến của bà Sừ cho rằng thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành các Quyết định cưỡng chế số 15200/QĐ-UBND và Quyết định số 15201/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hai căn nhà của bà Sừ là sai quy định:

Xét thấy: Trước khi thực hiện việc cưỡng chế, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B đã có các buổi tiếp xúc, vận động gia đình bà Sừ bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Việc tiếp xúc, vận động thể hiện tại các biên bản được

lập ngày 18/11/2011, ngày 01/12/2011, ngày 25/7/2012, ngày 27/11/2013, ngày 15/12/2015. Tuy nhiên, do gia đình bà Sửu không tự nguyện thực hiện bàn giao mặt bằng nên Ủy ban nhân dân quận B tiến hành cưỡng chế để thu hồi đất là thực hiện đúng theo quy định tại Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai 2013.

Căn cứ Quyết định số 9062/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của Ủy ban nhân dân quận B về việc phân công các thành viên Ủy ban nhân dân quận B thì Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ký thay Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B Quyết định cưỡng chế số 15200/QĐ-UBND và 15201/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 là đúng thẩm quyền.

Ngoài việc tiếp xúc, thuyết phục, vận động hộ bà Sửu giao đất thể hiện qua các biên bản làm việc nêu trên, Ủy ban nhân dân quận B cũng đã thực hiện việc giao và niêm yết các Quyết định cưỡng chế số 15200/QĐ-UBND và 15201/QĐ-UBND theo đúng quy định.

Với những nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm của bà Sửu là không có căn cứ. Hội đồng xét xử nghĩ nên bác kháng cáo của bà Sửu, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu hủy Quyết định số 9013/QĐ-UBND ngày 25/12/2007, Quyết định số 6754/QĐ-UBND ngày 21/10/2009, Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 06/3/2014, Quyết định số 7218/QĐ-UBND ngày 05/11/2009 và Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 06/3/2014 của Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu hủy Quyết định số 15200/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 và Quyết định số 15201/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Sửu cho rằng Ủy ban nhân dân quận B có vi phạm về trình tự, thủ tục khi ban hành các quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, áp giá đền bù sai quy định, không thực hiện việc kiểm đếm bắt buộc, xác định thiếu sót người được bồi thường, hỗ trợ (không xác định cụ thể các đồng thừa kế của ông Blà những người nào), việc ban hành và thực hiện cưỡng chế không đúng quy định. Như đã nhận định nêu trên, ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Sửu không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị bác kháng cáo của bà Sửu, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, do bà Sửu là người cao tuổi, tòa án cấp sơ thẩm không xem xét miễn tiền án phí cho bà Sửu là chưa đúng quy định, đề nghị sửa bản án sơ thẩm đối với phần án phí. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí:

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Do bà Sửu là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm không xét miễn án phí sơ thẩm cho bà Sửu, nghĩ nên sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

- Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Sừu.

Vì các lẽ nêu trên,

Căn cứ Điều 164, Điều 187, Điều 218, Khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị S, giữ nguyên phần quyết định của bản án hành chính sơ thẩm về việc:

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị S yêu cầu hủy Quyết định số 9013/QĐ-UBND ngày 25/12/2007, Quyết định số 6754/QĐ-UBND ngày 21/10/2009, Quyết định số 7218/QĐ-UBND ngày 05/11/2009, Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 06/3/2014 và Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 06/3/2014 của Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 15200/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 và Quyết định số 15201/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sửa một phần bản án sơ thẩm đối với án phí hành chính sơ thẩm:

Miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm cho bà Sừu. Hoàn trả cho bà Sừu số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2014/0007233 ngày 22/02/2016, 200.000 đồng theo biên lai thu số AA/2014/0007008 ngày 04/01/2016, 200.000 theo biên lai thu số AA/2014/0007234 ngày 22/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm cho bà Sừu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA dân sự quận B;
- TAND quận B;
- VKSND quận B;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Thủy